TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 7 - 2023
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***:** Bà Lê Thanh Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Pháp, bà Phan Thị Liên.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Nhật Trường – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa tỉnh Phú Yên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 12/2023/TLST-HNGĐ ngày 02/02/2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 37/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/6/2023, giữa:

- *Nguyên đơn*: T, sinh năm 1977;
- *Bị đơn:* Q, sinh năm 1972;

Cùng nơi cư trú: Thôn M, xã H, huyện Tây H, tỉnh Phú Yên *(Bà T xin vắng mặt, ông Q vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Nguyên đơn T trình bày:***

- *Quan hệ hôn nhân:* bà T và ông Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào năm 1994, có đăng ký kết hôn tại xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã và ông Q có đánh đập bà T. Sự việc kéo dài, bà T nhận thấy tình cảm đã hết, không thể nào chung sống được nữa; mặt khác, mâu thuẫn của vợ chồng gây ảnh hưởng đến con cái, nên bà T xin được ly hôn ông Q.

- *Về con chung:* Có 02 con tên là A, sinh ngày 20/9/1995; H, sinh ngày 22/4/2013. Con chung tên A đã trưởng thành nên không yêu cầu gì. Đối với con tên H, bà T xin được nuôi dưỡng, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung***:** Không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, bà Tuyết không yêu cầu gì khác.

**** Bị đơn Q*** đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không nộp bản ý kiến, không đến Tòa nên không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét ý kiến trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn T xin vắng mặt. Bị đơn Q đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. Áp dụng Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà T, ông Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên số 04, quyển số 01 *(Giấy đăng ký kết hôn không ghi ngày tháng năm)* nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, hai bên có mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, có lúc ông Q đánh bà T. Ban nhân dân thôn M, xã H xác nhận bà T, ông Q chung sống có mâu thuẫn là sự thật. Mặt khác, ông Q đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa, không có ý kiến gì phản bác lại yêu cầu xin ly hôn của bà T.

Như vậy, đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa bà T, ông Q đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[3] Về con chung: Có 02 con tên là A, sinh ngày 20/9/1995; H, sinh ngày 22/4/2013; trong đó, con chung tên A đã trưởng thành, bà T không yêu cầu gì nên không xét.

Đối với con chung tên H: Xét thấy cháu H hiện đang do bà T nuôi dưỡng, đã quen sống cùng bà T, cháu H có nguyện vọng được sống cùng bà T. Do đó, để cháu H phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần, cần chấp nhận yêu cầu của bà T: Giao bà T nuôi dưỡng con chung tên H.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T làm công nhân, có sức khỏe, đủ khả năng nuôi con và bà T không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con nên không buộc ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên không xét.

[5] Về án phí: Bà T phải chịu án phí về yêu cầu xin ly hôn: 300.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Bà T được ly hôn ông Q.

2. Về con chung: Giao cho bà T nuôi dưỡng con chung tên H, sinh ngày 22/4/2013.

Ông Q không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà T phải chịu: 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp tại biên lai thu tiền số 0005958 ngày 01/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên. Như vậy, bà T đã nộp xong án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND H. Tây Hòa;
- Cục THADS H. Tây Hòa;
- UBND xã H
(GĐKKH số 04, quyển số 01);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

Lê Thanh Huệ